

Số: 339/QĐ-ĐHHL

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ tiền ăn đối với sinh viên hệ đại học
theo Nghị quyết 35/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân
tỉnh Quảng Ninh, học kỳ II, năm học 2021-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

Căn cứ Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Hạ Long; Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND ngày 27/08/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chính sách thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt – Hàn Quảng Ninh và Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét kết quả rèn luyện, học tập học kỳ I, năm học 2021-2022 ngày 23/3/2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chế độ hỗ trợ tiền ăn theo Nghị quyết số 35/2021/NQ-HĐND đối với 120 (Một trăm hai mươi) sinh viên, với tổng số tiền là 360.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

- Mức hỗ trợ tiền ăn hàng tháng: 600.000 đồng/sinh viên/tháng.
- Số tháng được hỗ trợ: 05 tháng

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng các phòng: Công tác Chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên; Kế hoạch - Tài chính; Các khoa có sinh viên hưởng chế độ và những sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- HT và các PHT;
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Lưu VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
KHO HIỆU TRƯỞNG


Trần Trung Vỹ



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HẠ LONG

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ TIỀN ĂN
THEO NGHỊ QUYẾT 35/2021/NQ-HĐND NGÀY 27/8/2021 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

Kèm theo Quyết định số 339 /QĐ-ĐHHL ngày 29/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)

Stt	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Số tiền hỗ trợ /tháng	Số tiền hỗ trợ/ 5tháng	Ghi chú
1	Phạm Thanh Lam	27/05/2002	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc K2A	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
2	Phạm Ngọc Hà	17/09/2002	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc K2A	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
3	Chường Thu Thủy	20/02/2002	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc K2A	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
4	Lại Thu Huyền	10/06/2003	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc K3A	Mồ côi cả cha và mẹ	600.000	3.000.000	Theo điểm f
5	Bùi Phương Anh	10/12/2003	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc K3A	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
6	Vũ Đức Hoàng Hải	31/12/2003	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc K3A	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
7	Lê Thúy Hiền	26/03/2003	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc K3B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
8	Trần Thị Lâm	04/03/2003	ĐH Ngôn ngữ Hàn Quốc K3B	DT Sán chỉ - ĐBKK	600.000	3.000.000	Theo điểm g
9	Phan Ngọc Long	30/10/1999	ĐH Ngôn ngữ Nhật K3	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
10	Vũ Kim Anh	27/04/2001	ĐH Ngôn ngữ Nhật K4	Con thương binh	600.000	3.000.000	Theo điểm f
11	Bùi Thị Ngọc Ánh	26/04/2002	ĐH Ngôn ngữ Nhật K5A	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
12	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/11/2002	ĐH Ngôn ngữ Nhật K5A	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
13	Vi Ánh Nguyệt	23/06/2003	ĐH Ngôn ngữ Nhật K6A	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
14	Đặng Văn Việt	25/06/2003	ĐH Ngôn ngữ Nhật K6B	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
15	Đặng Thị Sơn	18/12/1999	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K4A	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
16	Chu Tiến Dũng	02/12/2000	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K4A	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
17	Triệu Thị Phương	18/09/2000	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K4B	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
18	Vi Thị Dương	07/06/2000	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K4B	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
19	Đặng Thị Thắm	06/06/2001	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K5A	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
20	Tăng Thị Linh	19/07/2001	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K5A	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
21	Đặng Thị Thùy Trang	08/11/2001	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K5B	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f

22	Phùng Thị Quỳnh	31/08/2001	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K5B	DT Tây - Miền núi, hộ cận nghèo 2022	600.000	3.000.000	Theo điểm f
23	Tô Thị Hương	04/04/2001	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K5C	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm f
24	Nguyễn Thị Thùy Đan	10/03/2002	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K6A	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
25	Vì Thị Lan Anh	13/09/2002	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K6A	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
26	Mã Đình Hoàn	30/04/2002	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7A	DT Tây - Miền núi, hộ nghèo 2022	600.000	3.000.000	Theo điểm f
27	Trịnh Đức Linh	27/01/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7A	SV Khuyết tật	600.000	3.000.000	Theo điểm f
28	Hoàng Thị Hòa	29/08/2002	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K6B	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
29	Lý Kim Chi	06/10/2002	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K6B	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
30	Trần Thị Xuân	13/08/2002	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K6F	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
31	Lê Thị Chính Đoan	05/09/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7B	Con bệnh binh	600.000	3.000.000	Theo điểm f
32	Vũ Thu Huyền	03/11/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7C	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
33	Vũ Thùy Trang	20/11/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7C	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
34	Lý Thị Linh Linh	25/09/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7C	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
35	Lý Thu Thủy	13/01/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7C	DT sản chi- Miền núi, Đầm Hà	600.000	3.000.000	Theo điểm g
36	Tô Thị My	24/02/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7D	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
37	Hoàng Thị Nghiệp	04/01/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7D	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
38	Lý Thị Đoan Trang	28/12/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7D	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
39	Tây Thị Thanh Tâm	12/09/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7D	DT Sản diu - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
40	Hoàng Thị Trà	13/03/2002	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7E	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
41	Tăng Nhật Tiềm	04/01/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7E	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
42	Nguyễn Thị Thùy Dương	19/07/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7E	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
43	Phùng Thị Việt Anh	06/09/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7F	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
44	Hoàng Thị Hằng	31/07/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7F	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
45	Linh Thị Hoài	07/02/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7F	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
46	Hoàng Thị Minh Thư	03/03/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7F	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
47	Vì Phương Thảo	30/10/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7F	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
48	Loan Thị Thùy Duyên	16/06/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7G	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g

49	Nông Thị Hằng	16/04/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7G	DT Tây - Miền núi, Hoành Mô, Bình Liêu	600.000	3.000.000	Theo điểm g
50	Đinh Thị Kiều Trinh	26/08/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7H	DT Tây - Miền núi, hộ nghèo 2022	600.000	3.000.000	Theo điểm f
51	Nguyễn Hoàng Linh	09/10/2003	ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc K7H	DT Tây - Miền núi, Lục Hồn, Bình Liêu	600.000	3.000.000	Theo điểm g
52	Phạm Bích Hằng	24/03/2000	ĐH QTDV DL & Lữ hành K4B	Con người bị nhiễm chất độc hóa học	600.000	3.000.000	Theo điểm f
53	Nguyễn Thu Hương	09/10/2000	ĐH QTDV DL & Lữ hành K4B	Mồ côi cả cha và mẹ	600.000	3.000.000	Theo điểm f
54	Đoàn Ngọc Anh Tuấn	11/11/2000	ĐH QTDV DL & Lữ hành K4B	Mồ côi cả cha và mẹ	600.000	3.000.000	Theo điểm f
55	Dương Thu Trà	14/12/2000	ĐH QTDV DL & Lữ hành K4C	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
56	Phạm Thị Thu Trang	12/02/2000	ĐH QTDV DL & Lữ hành K4C	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
57	Diệp Minh Luân	12/01/2000	ĐH QTDV DL & Lữ hành K4C	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
58	Đoàn Trung Hiếu	01/07/2000	ĐH QTDV DL & Lữ hành K4B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
59	Phạm Thị Ánh	08/02/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5A	Con thương binh	600.000	3.000.000	Theo điểm f
60	Hoàng Trần Vũ	15/12/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5B	Mồ côi cả cha và mẹ	600.000	3.000.000	Theo điểm f
61	Bùi Thị Kim Cúc	03/03/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5B	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
62	Lương Thị Vân	02/04/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5B	DT Thái - ĐBKK, hộ nghèo 2022	600.000	3.000.000	Theo điểm f
63	Chu Thị Thanh Dung	03/09/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5B	Mồ côi bố, mẹ đi tù	600.000	3.000.000	Theo điểm f
64	Liêu Minh Thành	03/05/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5C	DT Sán diu - ĐBKK	600.000	3.000.000	Theo điểm g
65	Lê Quang Hiếu	30/06/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5C	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
66	Đặng Quang Thảo	04/04/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5C	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
67	Trần Minh Châu	09/07/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5C	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
68	Nguyễn Thị Thùy Dương	20/10/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5C	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
69	Nguyễn Thị Hồng Đàm	26/08/2000	ĐH QTDV DL & Lữ hành K5C	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
70	Trương Thế Hiền	29/03/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6A	DT Sán diu - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
71	Nguyễn Thị Ngọc Dung	14/10/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6A	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
72	Nguyễn Thị Ngọc Minh	19/12/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6A	Con thương binh	600.000	3.000.000	Theo điểm f
73	Siu Quang Bảo	04/11/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6B	DT Sán diu - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
74	Loan Thị Kim Oanh	13/10/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6C	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
75	Lý Xuân Thảo	04/04/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6C	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g

76	Ngô Thị Hà	My	18/03/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6C	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
77	Hoàng Thị	Thảo	12/05/2001	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6D	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
78	Tạ Thu	Hằng	29/12/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6D	Mồ côi cả cha và mẹ	600.000	3.000.000	Theo điểm f
79	Lê Khắc	Trung	17/08/2003	ĐH QTDV DL& Lữ hành K7A	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm g
80	Bế Việt	Anh	29/08/2003	ĐH QTDV DL& Lữ hành K7D	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
81	Phạm Thúy	Hồng	09/05/2003	ĐH QTDV DL& Lữ hành K7D	Mồ côi cả cha lẫn mẹ	600.000	3.000.000	Theo điểm f
82	Nguyễn Mạnh	Quý	26/11/2000	ĐH QT Khách sạn K3A	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
83	Nguyễn Mạnh	Phú	26/11/2000	ĐH QT Khách sạn K3A	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
84	Vũ Thị Minh	Hiền	07/10/2000	ĐH QT Khách sạn K3A	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
85	Nguyễn Hải	Ngân	23/10/2000	ĐH QT Khách sạn K3B	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
86	Đặng Huyền	Trang	29/07/2000	ĐH QT Khách sạn K3B	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
87	Đỗ Thị Thu	Uyên	12/07/2000	ĐH QT Khách sạn K3B	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
88	Nguyễn Thùy	Dung	20/09/2000	ĐH QT Khách sạn K3B	Con thương binh	600.000	3.000.000	Theo điểm f
89	Vũ Thị Thanh	Dung	17/11/2000	ĐH QT Khách sạn K3B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
90	Nguyễn Thị Thùy	Trang	20/06/2000	ĐH QT Khách sạn K3B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
91	Ngô Thị Tuyết	Mai	05/01/2000	ĐH QT Khách sạn K3B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
92	Đỗ Thùy	Linh	03/11/2001	ĐH QT Khách sạn K4B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
93	Nguyễn Thị Phương Thảo		05/07/2002	ĐH QT Khách sạn K5A	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
94	Bùi Tùng	Dương	24/08/2002	ĐH QT Khách sạn K5B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
95	Tô Ngọc	Anh	03/07/2002	ĐH QT Khách sạn K5B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
96	Triệu Thị	Ngoan	03/11/2002	ĐH QT Khách sạn K5D	DT Dao - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
97	Bùi Thị Quỳnh	Anh	06/08/2002	ĐH QT Khách sạn K5A	Mồ côi cả cha và mẹ	600.000	3.000.000	Theo điểm f
98	Ngô Trung	Kiên	07/12/2002	ĐH QT Khách sạn K5A	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
99	Đỗ Thanh	Hiền	11/03/2002	ĐH QT Khách sạn K5A	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
100	Ngô Thế	Dũng	27/05/2002	ĐH QT Khách sạn K5B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
101	Lê Thị Trà	Giang	27/02/2002	ĐH QT Khách sạn K5B	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
102	Ma Khánh	Huyền	12/10/2002	ĐH QT Khách sạn K5B	DT Tây - Miền núi, Thị trấn Bình Liêu	600.000	3.000.000	Theo điểm g

103	Vũ Quang	Đức	08/10/2002	ĐH QT Khách sạn K5C	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
104	Phạm Thế	Duy	05/03/2003	ĐH QT khách sạn K6A	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
105	Hoàng Đức	Minh	25/11/2000	ĐH QT khách sạn K6B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
106	Lê Thị Hoàng	Hà	06/10/2003	ĐH QT khách sạn K6C	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
107	Tạ Thị	Hồng	01/09/2001	ĐH QT DV Ăn uống K2A	DT Sán diu - Miền núi, Bình Dân, Vân Đồn	600.000	3.000.000	Theo điểm g
108	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	17/04/2001	ĐH QT DV Ăn uống K2A	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
109	Vi Thị Mai	Anh	20/12/2001	ĐH QT DV Ăn uống K2B	DT Tây - Miền núi, cận nghèo 2022	600.000	3.000.000	Theo điểm f
110	Bùi Thị Minh	Thu	17/04/2001	ĐH QT DV Ăn uống K2B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
111	Phạm Thị Thanh	Hiền	19/07/2001	ĐH QT DV Ăn uống K2B	Con người bị tai nạn lao động	600.000	3.000.000	Theo điểm f
112	Nguyễn Hồng	Ánh	04/04/2002	ĐH QT DV Ăn uống K3B	Con người bị bệnh nghề nghiệp	600.000	3.000.000	Theo điểm f
113	Bế Văn	Xuân	25/11/2003	ĐH QT DV Ăn uống K4A	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
114	Vy Thành	Nam	14/09/2003	ĐH QT DV Ăn uống K4A	DT Tây - Miền núi	600.000	3.000.000	Theo điểm g
115	Nguyễn Xuân	Bách	13/10/2001	ĐH Nuôi trồng Thủy sản K4	Con thương binh	600.000	3.000.000	Theo điểm f
116	Dương Ngọc	Hoàn	04/03/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6A	Hộ cận nghèo - HKTT Quảng Yên, QN	600.000	3.000.000	Theo điểm g
117	Nguyễn Thị Vân	Anh	02/12/2002	ĐH QTDV DL & Lữ hành K6B	Hộ cận nghèo - HKTT Quảng Yên, QN	600.000	3.000.000	Theo điểm g
118	Hoàng Phương	Nam	02/03/1997	ĐH NN Nhật K3	Hoàn thành nghĩa vụ tham gia CAND - HKTT Hạ Long, QN	600.000	3.000.000	Theo điểm g
119	Lưu Quý	Mão	15/11/1999	ĐH NT Thủy sản K6	Hoàn thành nghĩa vụ QS- HKTT Cẩm Phả, QN	600.000	3.000.000	Theo điểm g
120	Nguyễn Thị	Nhung	02/02/2003	QTD VDL&LH K7D	Hộ cận nghèo - HKTT Uông Bí, QN	600.000	3.000.000	Theo điểm g
Cộng							360.000.000	

Bảng chữ: Ba trăm sáu mươi triệu đồng chẵn./.